

Số: /QĐ-BNN-KHCN

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt Chiến lược phát triển Viện Quy hoạch Thủy lợi
đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về Phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng Tây Nguyên đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về Phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 148/NQ-CP của Chính phủ về Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Quyết định 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục nhiệm vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt chiến lược Chiến lược thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 296/QĐ-BNN-KHCN ngày 16/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3908/QĐ-BNN-TCCB ngày 12/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Quy hoạch Thủy lợi;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Quy hoạch Thủy lợi tại Tờ trình số 59/TTr-QHTL ngày 14/2/2023 về việc xin phê duyệt Chiến lược phát triển Viện Quy hoạch Thủy lợi đến 2030 và định hướng đến năm 2045;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Cục trưởng Cục Thủy lợi, Cục trưởng Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển Viện Quy hoạch Thủy lợi đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045 với các nội dung sau đây:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển Viện Quy hoạch thủy lợi là Viện hàng đầu tại Việt Nam trong các hoạt động tư vấn và dịch vụ lập quy hoạch, dịch vụ sự nghiệp công và điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, đào tạo và hợp tác

quốc tế trong các lĩnh vực thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai, nước sạch nông thôn, an ninh nước, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Góp phần nâng cao vai trò vị thế của ngành thủy lợi, phòng, chống thiên tai và đảm bảo chủ động thích ứng, giảm thiểu rủi ro thiên tai, ổn định và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về tổ chức bộ máy

Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Từng bước phát triển Viện thành đơn vị quy hoạch thủy lợi hàng đầu tại Việt Nam, có nền tảng công nghệ mạnh, đa ngành, đa lĩnh vực, làm đầu tàu và động lực phát triển khoa học và công nghệ ngành, lĩnh vực thủy lợi và phòng, chống thiên tai, góp phần nâng cao trình độ và khẳng định vị thế của Viện trong khoa học, kỹ thuật thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai, nước sạch nông thôn, an ninh nước, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; cung cấp dịch vụ sự nghiệp công hàng năm.

b) Về nguồn nhân lực

Xây dựng được đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, trình độ cao, hợp lý về cơ cấu, trong đó chú trọng các cán bộ khoa học đầu ngành, có năng lực chuyên môn sâu và chuyển tiếp liên tục giữa các thế hệ. Đến năm 2030, duy trì ổn định đội ngũ từ 160 đến 180 người, có trên 70% nguồn nhân lực khối trực tiếp có trình độ thạc sỹ trở lên, trong đó có khoảng từ 15-20 tiến sỹ tập trung đội ngũ cán bộ có khả năng đảm nhiệm nhiều loại công việc khác nhau với chất lượng cao. Giai đoạn sau 2030, ổn định đội ngũ cán bộ và đào tạo bổ sung hàng năm từ 1-3 tiến sỹ về các lĩnh vực chuyên sâu là lợi thế của Viện.

c) Về cơ sở vật chất, trang thiết bị

Đến năm 2030, triển khai các dự án đầu tư tăng cường năng lực Viện Quy hoạch Thủy lợi nhằm tạo nền tảng công nghệ, kỹ thuật cho việc hoàn thiện sản phẩm theo chức năng, nhiệm vụ được giao của Viện với chất lượng cao, đồng thời mở rộng thêm các sản phẩm khai thác, ứng dụng các sản phẩm khoa học công nghệ cao khác (viễn thám - GIS, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn,...) theo nhu cầu thị trường và yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Giai đoạn 2030 - 2045, đưa vào vận hành ổn định Trung tâm viễn thám và GIS ngành thủy lợi; Viện có được cơ sở vật chất và trang thiết bị tiên tiến ngang tầm khu vực và quốc tế.

d) Về nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ

Đảm bảo trình độ khoa học và công nghệ của Viện phát triển ngang bằng với các quốc gia trong khu vực và tiệm cận với thế giới trong lĩnh vực quy hoạch và quản lý thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai, nước sạch nông thôn, an ninh nước, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong đó tăng cường năng lực hạ tầng, trang thiết bị, công nghệ trong nghiên cứu về quy hoạch thủy lợi, đê điều và phòng chống thiên tai để phục vụ công tác quản lý chuyên ngành của Bộ. Góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực tự chủ của các

đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ. Đóng góp vào doanh thu của Viện đến năm 2030 đạt 20-25% tổng nguồn thu hàng năm và tăng lên đến 25-30% trong giai đoạn 2030-2045.

đ) Về sản phẩm, dịch vụ tư vấn

Phát triển sản phẩm chủ lực gồm quy hoạch, dịch vụ sự nghiệp công, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát kỹ thuật với chất lượng không ngừng nâng cao, đồng thời mở rộng ra các sản phẩm khai thác ứng dụng các sản phẩm khoa học công nghệ cao khác theo nhu cầu thị trường và yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và PTNT, các địa phương. Đảm bảo thời gian và chất lượng kỹ thuật, mỹ thuật cao cho các sản phẩm đầu ra của đơn vị.

f) Về doanh thu và thu nhập

Đảm bảo tính tự chủ về tài chính, trong đó phần đầu tăng doanh thu hàng năm khoảng 10-15% trên tổng doanh thu trung bình của 3 năm trước liền kề. Đa dạng hóa nguồn thu; mở rộng phát triển nguồn thu từ các hợp đồng của địa phương trong tất cả các lĩnh vực theo chức năng nhiệm vụ và năng lực kinh nghiệm của Viện, đảm bảo ổn định đời sống cho cán bộ công nhân viên trong Viện.

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tổ chức bộ máy

- Giai đoạn đến năm 2030: Kiện toàn tổ chức Viện Quy hoạch Thủy lợi và các đơn vị trực thuộc theo hướng gọn về tổ chức, mạnh về chuyên môn, nâng cao hiệu quả nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, thông qua việc rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức trong toàn hệ thống Viện phù hợp với các quy định hiện hành.

Xây dựng, trình Bộ phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của Viện Quy hoạch Thủy lợi giai đoạn đến năm 2025 và giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2045” về vị trí việc làm; quản lý tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc theo chức danh nghề nghiệp và hợp đồng lao động theo phân cấp quản lý của Bộ và quy định của pháp luật.

Xây dựng, trình Bộ phê duyệt điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện theo hướng mở rộng, bám sát các ngành nghề, lĩnh vực mới theo các Luật Thủy lợi, Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Môi trường, Luật Quy hoạch.

Rà soát sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các quy chế, quy định quản lý (quản trị, kỹ thuật, tài chính) của Viện và các đơn vị trực thuộc theo hướng thúc đẩy, nâng cao năng lực tự chủ tài chính của Viện.

- Giai đoạn sau 2030: tiếp tục hoàn chỉnh tổ chức bộ máy theo hướng phù hợp đảm bảo giữ vững mục tiêu là Viện đầu ngành về quy hoạch và quản lý ngành thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai, nước sạch nông thôn, an ninh nước, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Phát triển nguồn nhân lực

- Giai đoạn đến năm 2030: Tiếp tục thực hiện “Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, viên chức Viện Quy hoạch Thủy lợi giai đoạn 2020 – 2025 và định hướng đến 2030” và xây dựng mới đề án phát triển nguồn nhân lực của Viện Quy hoạch Thủy lợi cho giai đoạn 2025-2030 và định hướng đến năm 2045 nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chủ chốt thông qua đào tạo trong và ngoài nước về đội ngũ tiến sĩ và sau tiến sĩ, đội ngũ viên chức quản lý cấp phòng và cấp Viện. Xây dựng cơ chế thu hút nguồn lực cán bộ tư vấn, nghiên cứu chất lượng cao và cơ chế chính sách phối hợp, cộng tác với chuyên gia, cán bộ khoa học đầu ngành ở trong nước và quốc tế và củng cố, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ viên chức quản lý, hành chính, dịch vụ, phục vụ... đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ của Viện trong từng giai đoạn phát triển.

- Giai đoạn 2031 - 2045: tiếp tục xây dựng và phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ theo hướng chuyên sâu, trong đó có những chuyên gia đầu ngành, có uy tín cao trong giới khoa học trong và ngoài nước.

3. Phát triển cơ sở vật chất

- Giai đoạn đến năm 2030: đầu tư phát triển đồng bộ cơ sở vật chất kỹ thuật cho các đơn vị, Trung tâm trực thuộc đáp ứng yêu cầu quy hoạch thủy lợi, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, trình diễn và chuyên gia công nghệ, tiên bộ kỹ thuật gắn với đào tạo nguồn nhân lực khoa học công nghệ trong lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai, trong đó ưu tiên đầu tư trang thiết bị hiện đại cho các đơn vị, phòng thí nghiệm.

- Giai đoạn 2031- 2045: tiếp tục đầu tư xây dựng các đơn vị, Trung tâm trực thuộc thành Viện đạt trình độ ngang tầm các nước trong khu vực và tiệm cận các nước tiên tiến thế giới.

4. Thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn

a) Hỗ trợ công tác quản lý nhà nước

Tham gia thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác quản lý nhà nước theo chức trách nhiệm vụ được giao, cụ thể như sau:

- Xây dựng, cập nhật chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, hàng năm và các chương trình, đề án, dự án, công trình quan trọng quốc gia về thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai, nước sạch nông thôn, an ninh nước, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; dịch vụ sự nghiệp công thuộc nhiệm vụ của Viện và tổ chức thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Xây dựng, sửa đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, thuộc nhiệm vụ của Viện theo quy định của pháp luật;

- Tham gia Hội đồng khoa học kỹ thuật và công nghệ cấp Bộ, Nhà nước, liên ngành; Hội đồng thẩm định cấp Nhà nước về công tác quy hoạch, kế hoạch;

- Thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo phân công của Bộ trưởng;
- Thực hiện nhiệm vụ của Văn phòng thường trực Ban Quản lý quy hoạch thủy lợi lưu vực sông; Văn phòng thường trực Hội đồng quản lý khai thác hệ thống công trình thủy lợi thuộc nhiệm vụ của Bộ theo phân công của Bộ trưởng;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công của Bộ trưởng.

b) Lập quy hoạch, kế hoạch

Lập các quy hoạch theo Luật Quy hoạch và các Luật Thủy lợi, Luật Đê điều, Luật Phòng, chống thiên tai và các quy hoạch khác có liên quan:

- Lập quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi;
- Quy hoạch tích hợp, hợp phần quy hoạch hoặc nội dung quy hoạch về phòng chống thiên tai, thủy lợi trong các quy hoạch cấp quốc gia, ngành, vùng, tỉnh, lưu vực sông và hệ thống thủy lợi;
- Lập quy hoạch thủy lợi;
- Lập quy hoạch vùng dân cư và tổ chức sản xuất thích ứng với thiên tai;
- Lập quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê;
- Lập quy hoạch đê điều;
- Lập quy hoạch cấp nước sạch nông thôn;
- Lập kế hoạch phòng, chống thiên tai, phương án ứng phó thiên tai;
- Lập kế hoạch đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp, kiên cố hóa, bảo vệ, khai thác sử dụng công trình thủy lợi, công trình phòng chống thiên tai, đê điều và hộ đê;
- Lập kế hoạch, chương trình bố trí ổn định dân cư, di dân, tái định cư cho xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, khu công nghiệp, khu đô thị, các vùng chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ngập, úng, lũ quét, xói lở bờ sông, bờ biển;
- Lập kế hoạch, chương trình ổn định dân cư, tái định cư ở những vùng trọng điểm, ven biên giới, các khu kinh tế mới;
- Xây dựng phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập;
- Các quy hoạch, kế hoạch khác có liên quan.

c) Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

Thực hiện nhiệm vụ dịch vụ sự nghiệp công của Bộ Nông nghiệp và PTNT và các địa phương trên phạm vi cả nước trong lĩnh vực thủy lợi và phòng, chống thiên tai:

- Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp;
- Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nước, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp các lưu vực sông; Xây dựng phương án vận hành điều tiết công trình thủy lợi, đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước;

- Thống kê, thông tin thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai;
- Xây dựng bản đồ thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai;
- Điều tra, quy hoạch thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai;
- Duy tu, bảo dưỡng, bảo trì các công trình thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai nước sạch nông thôn;
- Thu thập số liệu, phân tích để dự báo, cảnh báo về rủi ro thiên tai.

d) Thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, đề án của ngành

Thực hiện chương trình, nhiệm vụ: quan trắc, dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước; điều hòa, phân phối, sử dụng nước hợp lý, chống thất thoát nước... phục vụ sản xuất nông nghiệp và các nhu cầu sử dụng khác tại các lưu vực sông, vùng, địa phương và hệ thống công trình thủy lợi.

Thực hiện nhiệm vụ: nâng cao năng lực tích trữ, điều hòa, phân phối nguồn nước, tiêu, thoát nước; nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước.

Thực hiện nhiệm vụ: phòng chống thiên tai, dự báo thiên tai, hỗ trợ vận hành hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện, công trình phòng chống thiên tai.

Thực hiện chương trình, nhiệm vụ về chuyển đổi cơ cấu sản xuất, mùa vụ phù hợp với điều kiện nguồn nước.

Thực hiện chương trình quan trắc, giám sát, dự báo môi trường nước, chất lượng nước, tư vấn giám sát xả thải vào hệ thống công trình thủy lợi, lưu vực sông. Thực hiện chương trình giám sát, quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng.

Thực hiện chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, số hóa: Chuyển đổi số, số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu về thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai; Hoàn thiện, nâng cao chất lượng hạ tầng số; Xây dựng, phát triển nền tảng số; Phát triển dữ liệu; Phát triển các ứng dụng, dịch vụ số.

Xây dựng, tư vấn thực hiện và giám sát thực hiện: quy trình vận hành hồ chứa nước, liên hồ chứa, hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện đảm bảo an toàn công trình và hạ du.

Xây dựng bản đồ, bản đồ số, bản đồ trực tuyến phục vụ công tác quản lý ngành thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai, đảm bảo an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước: Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập; Bản đồ thủy lợi, thiên tai, rủi ro thiên tai, thích ứng với thiên tai...

e) Điều tra cơ bản

Lập cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, bản đồ phục vụ công tác quản lý ngành thủy lợi, đê điều và phòng chống thiên tai theo các lưu vực sông, vùng, địa phương và hệ thống công trình thủy lợi.

Điều tra, khảo sát về cơ sở hạ tầng thủy lợi; cơ chế, chính sách trong lĩnh vực thủy lợi, đê điều và phòng chống thiên tai.

Điều tra, khảo sát tác động của việc xây dựng, quản lý vận hành, khai thác sử dụng: công trình, dự án thủy lợi, đề điều và phòng chống thiên tai đến môi trường và đời sống của người dân.

Thu thập thông tin, quan trắc, giám sát về số lượng, chất lượng nước, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, lũ, ngập lụt, úng, bồi lắng, xói lở công trình thủy lợi, bờ sông, bờ biển phục vụ hoạt động thủy lợi.

Điều tra, khảo sát về nước sạch nông thôn.

Điều tra, khảo sát về nông nghiệp, nông thôn và phát triển kinh tế - xã hội.

Điều tra, khảo sát các số liệu về thiên tai, rủi ro thiên tai, thích ứng với thiên tai.

f) Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

Chủ trì, thực hiện các chương trình, đề án, dự án khoa học và công nghệ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến như công nghệ không gian, viễn thám, GIS, WebGIS, trí tuệ nhân tạo, cơ sở dữ liệu, dữ liệu lớn... theo lĩnh vực chuyên môn. Tập trung vào các lĩnh vực về hoàn chỉnh phương pháp luận quy hoạch, nghiên cứu các định hướng làm đầu vào cho bài toán quy hoạch, nghiên cứu các kịch bản chiến lược, chuyên dịch cơ cấu cây trồng; cân đối nguồn nước, chuyển nước; tưới, cấp nước, tiêu, thoát nước, phòng chống lũ, ngập lụt, giảm nhẹ thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo vệ môi trường sinh thái; phát triển bền vững,...

Phối hợp, hợp tác: Hợp tác quốc tế, liên danh, liên kết với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước về lĩnh vực quy hoạch và phát triển, quản lý nguồn nước, bảo vệ môi trường và các chương trình, đề án, dự án, đề tài nghiên cứu liên quan về nguồn nước, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

g) Bảo vệ môi trường

Đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, nghiên cứu đánh giá về trữ lượng, chất lượng nước mặt và nước ngầm, môi trường sinh thái nguồn nước cho lưu vực sông, dự báo tình hình và khả năng lan truyền gây ô nhiễm các nguồn nước và biện pháp xử lý.

Giám sát, đánh giá chất lượng nước và hoạt động xả thải vào công trình thủy lợi.

h) Cung cấp các dịch vụ tư vấn

Khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế, giám sát thi công, thẩm tra, lập quy trình vận hành các dự án, công trình thủy lợi, thủy điện, cấp nước, thoát nước, công trình bảo vệ bờ sông, bờ biển, cầu cảng, âu tàu, công trình thủy lợi phục vụ thủy sản và diêm nghiệp, dân dụng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Khảo sát địa hình, đo đạc công trình; Đo vẽ thành lập bản đồ địa chính; Đo vẽ thành lập bản đồ chuyên đề; Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính; Khảo sát địa

chất, địa chất thủy văn, địa chất công trình; Khảo sát thủy văn, nguồn nước, chất lượng nước, môi trường sinh thái nguồn nước và thí nghiệm đất, nước.

Tư vấn khảo sát, tính toán, đánh giá, kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước và hệ thống công trình thủy lợi.

Thí nghiệm, phân tích mẫu nước, đất, đá, bê tông và vật liệu xây dựng, kiểm tra, xử lý nước ngầm, nước mặt, nước thải, xử lý chất thải.

Tư vấn đầu thầu, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, mua sắm thiết bị, tư vấn quản lý dự án công trình xây dựng.

Thẩm tra, giám sát các dự án quy hoạch, điều tra cơ bản, dự án đầu tư xây dựng công trình, nhiệm vụ thường xuyên, nhiệm vụ đặc thù.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về công tác tổ chức

a) Rà soát, xây dựng và đề xuất Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Viện và chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong Viện đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

b) Triển khai Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của Viện Quy hoạch Thủy lợi giai đoạn đến năm 2025 và giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2045” đảm bảo tinh gọn, nâng cao hiệu quả, hiệu lực, tránh trùng lặp, chống chéo giữa các đơn vị.

c) Tiếp tục xây dựng và triển khai lộ trình tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Phê duyệt chiến lược phát triển và phương án hoạt động cho từng đơn vị thuộc Viện giai đoạn đến 2030 và định hướng đến năm 2045 theo hướng thúc đẩy, nâng cao năng lực tự chủ tài chính của Viện.

e) Rà soát sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các quy định quản lý (quản trị, kỹ thuật, tài chính) của Viện và các đơn vị trực thuộc theo hướng thúc đẩy, nâng cao năng lực tự chủ tài chính của Viện.

2. Về nguồn nhân lực

a) Rà soát, xác định vị trí việc làm của cán bộ viên chức phù hợp với chức năng nhiệm vụ của các đơn vị và Trung tâm trực thuộc của Viện Quy hoạch Thủy lợi, trình Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b) Xây dựng chiến lược đào tạo nguồn nhân lực khoa học công nghệ trình độ cao theo chuyên ngành đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm của các cán bộ khoa học dưới hình thức gửi đào tạo nước ngoài, đào tạo tập trung trong nước và đào tạo thông qua hợp tác quốc tế, đặc biệt trong các lĩnh vực quy hoạch thủy lợi, chuyển giao công nghệ ngành nước.

c) Nghiên cứu đề xuất Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét ban hành cơ chế chính sách đặc thù về việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học công nghệ trong ngành nông nghiệp để nâng cao chất lượng và củng cố số lượng nguồn nhân lực khoa học công nghệ chất lượng cao.

d) Tăng cường nguồn lực từ hợp tác quốc tế thông qua các dự án hợp tác song phương và đa phương để chuyên gia vào làm việc tại Viện. Tranh thủ mọi nguồn lực để có các tình nguyện viên quốc tế đến làm việc cho Viện.

e) Tiếp tục rà soát, đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ lãnh đạo có đủ điều kiện và tiêu chuẩn, năng lực theo quy định.

f) Nâng cao chất lượng cán bộ thông qua đánh giá theo trách nhiệm, năng lực và hiệu quả công việc của cán bộ, viên chức.

g) Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, kiến thức chuyên ngành, kiến thức thuộc lĩnh vực thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai, các công nghệ mới như viễn thám, GIS, mô hình toán thủy văn, thủy lực; Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng làm việc (ngoại ngữ, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình...).

3. Giải pháp tăng cường cơ sở vật chất

a) Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị theo kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt trung hạn, hàng năm nhằm phát triển, nâng cao hơn chất lượng sản phẩm đầu ra của Viện.

b) Triển khai thực hiện dự án “Tăng cường năng lực Viện Quy hoạch Thủy lợi giai đoạn 2022-2025 tại Thành phố Hà Nội”.

c) Triển khai thực hiện đề án “Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS phục vụ quản lý ngành giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030” gồm việc sửa chữa, nâng cấp, cải tạo công năng trụ sở làm việc; đầu tư thiết bị công trình, thiết bị phục vụ triển khai ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS.

d) Giai đoạn sau năm 2030: Hình thành và phát triển Trung tâm Viễn thám và GIS tại Viện Quy hoạch Thủy lợi, trong đó bố trí nguồn lực và kêu gọi hỗ trợ đầu tư trang thiết bị, công nghệ, phần mềm phục vụ hoạt động kỹ thuật của Trung tâm. Xây dựng cơ chế hoạt động của Trung tâm đảm bảo tính chủ động, linh hoạt, phát huy được hiệu quả phục vụ, phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Giải pháp tăng cường hỗ trợ công tác quản lý nhà nước

a) Thường xuyên liên tục bám sát các hoạt động của Bộ Nông nghiệp và PTNT có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Viện nhằm chủ động cung cấp các tư vấn cần thiết phát sinh trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước.

b) Thường xuyên tổ chức nghiên cứu, cập nhật các định hướng quản lý, các thay đổi về cơ chế chính sách của ngành, lĩnh vực chuyên môn nhằm chủ động hỗ trợ Bộ Nông nghiệp và PTNT trong việc xây dựng, cập nhật chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, hàng năm và các chương trình, đề án, dự án, công trình quan trọng quốc gia về thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai, nước sạch nông thôn, an ninh nước, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Chủ động tham gia tính toán, tư vấn quản lý nhà nước về quản lý khai thác và sử dụng nguồn nước, phòng, chống thiên tai...; tư vấn chủ trương đầu tư,

xây dựng các công trình... góp ý, tư vấn cho các cơ quan chức năng về các quy hoạch quốc gia, vùng, tỉnh, khu kinh tế, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

d) Chủ động tham gia tính toán, tư vấn cho Bộ trong công tác xây dựng kế hoạch điều tiết nước sản xuất vụ Đông - Xuân; xây dựng kế hoạch sử dụng nước; vận hành điều tiết hồ chứa thủy lợi lớn.

e) Tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ về phòng, chống thiên tai khác được phân giao hàng năm.

f) Chủ động đề xuất và tham gia, hỗ trợ xây dựng, sửa đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật thuộc nhiệm vụ của Viện theo quy định của pháp luật.

g) Tích cực, chủ động tham gia các hội đồng khoa học kỹ thuật và công nghệ cấp Bộ, Nhà nước, liên ngành; Hội đồng thẩm định cấp Nhà nước về công tác quy hoạch, kế hoạch.

5. Giải pháp tăng cường quản lý hoạt động chuyên môn

a) Tiếp tục hoàn thiện Quy chế quản lý hoạt động tư vấn và dịch vụ lập quy hoạch, dịch vụ sự nghiệp công và điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, đào tạo và hợp tác quốc tế phù hợp với tình hình mới và theo phân cấp ủy quyền của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

b) Đề xuất nhận thực hiện các nhiệm vụ, nhận đặt hàng hoặc tham gia tuyển chọn, đấu thầu cung cấp các sản phẩm, dịch vụ về quy hoạch, sự nghiệp công, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, đào tạo và hợp tác quốc tế trên cơ sở chiến lược, định hướng của Bộ, ngành, địa phương, kế hoạch trung, dài hạn của Viện và thực tế sản xuất.

c) Tổ chức lập quy hoạch, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, đào tạo và hợp tác quốc tế theo nhóm, tổ chuyên môn, đảm bảo tập hợp được những nhà khoa học xuất sắc nhất của các đơn vị trong Viện trong quá trình thực hiện.

d) Xây dựng chương trình nghiên cứu, đề án cho một số lĩnh vực thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai, nước sạch nông thôn, an ninh nước, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; đề xuất Bộ Nông nghiệp và PTNT đưa vào kế hoạch và lộ trình bố trí nguồn lực giải quyết các vấn đề quan trọng, bức xúc của thực tiễn sản xuất.

6. Giải pháp phát triển nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học công nghệ

a) Xây dựng chiến lược, định hướng nghiên cứu phù hợp với thực tiễn và thích ứng với xu thế phát triển mới của ngành, định hướng chính vào các lĩnh vực: hoàn chỉnh phương pháp luận quy hoạch, chiến lược; phân bổ nguồn nước, chuyển nước; tưới, cấp nước, tiêu, thoát nước, phòng chống lũ, ngập lụt, giảm nhẹ thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo vệ môi trường sinh thái; phát triển bền vững...

b) Xây dựng bổ sung các quy chế quản lý khoa học; quy trình đề xuất, tuyển chọn, thực hiện các đề tài; cơ chế phối hợp, huy động nhân, vật lực tham gia nghiên cứu; quy chế đánh giá, khen thưởng đối với hoạt động nghiên cứu.

c) Gắn với chiến lược đào tạo để phát triển nhân lực khoa học công nghệ chất lượng cao, tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghiên cứu; tăng số lượng cán bộ có học hàm, học vị.

d) Gắn với chiến lược tăng cường ứng dụng công nghệ cao vào nghiên cứu khoa học và lập quy hoạch thủy lợi như các mô hình quản lý lưu vực, mô hình toán thủy văn, thủy lực, cân bằng nước, điều tiết công trình... công cụ tính toán tối ưu, công nghệ viễn thám, không gian, bản đồ, cơ sở dữ liệu... thích ứng với chuyển đổi số, dữ liệu lớn của ngành.

e) Nâng cấp và cập nhật thường xuyên các trang thiết bị và công nghệ mới trong tất cả các công đoạn, từ điều tra, khảo sát, lập quy hoạch, đến hoàn chỉnh hồ sơ và báo cáo trình duyệt. Phấn đấu dần từng năm để đến năm 2025 hầu hết các đơn vị được trang bị đầy đủ thiết bị tương đối hiện đại, từ năm 2030 trở đi sẽ từng bước nâng cấp và cập nhật thường xuyên những thiết bị hiện đại nhất có trên thị trường để tăng hiệu quả công tác và cung cấp dịch vụ.

f) Giữ vững và phát huy uy tín nghiên cứu của Viện đối với Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Khoa học Công nghệ, các Bộ ngành, địa phương. Mở rộng lĩnh vực, nguồn tài trợ nghiên cứu ngoài các nguồn truyền thống đang thực hiện.

g) Tăng cường kết hợp nghiên cứu với các tổ chức, đơn vị trong và ngoài nước. Tăng cường xuất bản, công bố khoa học nhằm nâng cao vị thế và uy tín khoa học của Viện.

7. Giải pháp tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế

a) Xây dựng chiến lược, kế hoạch hợp tác quốc tế, trong đó bao gồm các nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương và đa phương, tìm kiếm nguồn tài trợ để thực hiện, bao gồm cả các dự án phối hợp và cùng chia sẻ kinh phí.

b) Mở rộng hợp tác quốc tế với các tổ chức khoa học công nghệ nước ngoài và tổ chức quốc tế, bao gồm cả các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam để tiếp cận công nghệ mới, thu hút chuyên gia, học tập kinh nghiệm, kiến thức mới và đào tạo cán bộ khoa học công nghệ trình độ cao, đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế với các quốc gia, các tổ chức quốc tế để chuyển giao công nghệ, tiến bộ kỹ thuật tiên tiến của Việt Nam cho các nước khu vực và thế giới.

c) Khai thác hiệu quả nguồn lực của đối tác nước ngoài để tăng cường, nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới. Khuyến khích và tạo điều kiện để các cán bộ khoa học của Viện tham gia các mạng lưới khoa học công nghệ quốc tế.

8. Giải pháp quản trị Viện chuyên nghiệp, hiệu quả

a) Triển khai xây dựng kế hoạch trung và dài hạn về hoạt động tư vấn và dịch vụ lập quy hoạch, dịch vụ sự nghiệp công và điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, đào tạo và hợp tác quốc tế, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào chuyên môn của Viện và các đơn vị trực thuộc.

b) Quản lý đầu tư và mua sắm cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ cho công tác tư vấn và dịch vụ lập quy hoạch, dịch vụ sự nghiệp công và điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, đào tạo và hợp tác quốc tế.

c) Khai thác hiệu quả các nguồn kinh phí từ các hoạt động Hợp tác quốc tế, các nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp để nâng cấp, hoàn thiện cơ sở, trang thiết bị tư vấn, nghiên cứu cho các đơn vị.

d) Hoàn chỉnh và nâng cấp văn phòng điện tử Viện Quy hoạch Thủy lợi và tổ chức khai thác có hiệu quả trong quản lý điều hành.

e) Chuyển đổi số hóa tất cả các khâu trong công tác quản lý điều hành cũng như trong công tác chuyên môn của các đơn vị trong Viện.

f) Xây dựng kế hoạch truyền thông của Viện, gắn nhiệm vụ truyền thông, quảng bá vị thế, vai trò, uy tín của Viện trong các lĩnh vực công việc mà Viện có thể mạnh.

g) Gắn việc quảng bá sản phẩm, thương hiệu của Viện với các hoạt động chuyên môn như báo cáo các kết quả dự án và nghiên cứu, trang web và các tờ rơi, các tham luận hội thảo và hội nghị, các thảo luận với địa phương và ngành liên quan, các lớp tập huấn và chuyển giao công nghệ...

h) Lòng ghép yêu cầu bảo vệ thương hiệu, uy tín của Viện vào các quy định, quy chế của Viện như yêu cầu về cung cấp các sản phẩm dịch vụ một cách nhanh chóng với chất lượng cao theo đúng yêu cầu của khách hàng, giữ mối quan hệ lâu bền với những khách hàng truyền thống và hình thành mối quan hệ tốt đẹp với những khách hàng mới.

9. Giải pháp đổi mới cơ chế tài chính

a) Chủ động nghiên cứu, áp dụng mô hình quản trị doanh nghiệp tiên tiến, hiện đại trong hoạt động của đơn vị.

b) Nâng cao năng lực quản trị tài chính, quản lý tài sản công của đơn vị. Hoàn thiện chế độ kế toán, thực hiện chế độ kiểm toán độc lập, giám sát, bảo đảm công khai, minh bạch hoạt động tài chính nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tiết kiệm, tránh lãng phí.

c) Xây dựng cơ chế tạo sự chủ động về tài chính cho các đơn vị phù hợp theo hướng đầu tư lâu dài và bền vững cho dịch vụ tư vấn, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nhằm hình thành và phát triển các dịch vụ tư vấn, dịch vụ công, công nghệ mũi nhọn của Viện; rà soát, điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ cho các hoạt động chung của Viện.

d) Lập kế hoạch quản lý, khai thác hiệu quả nguồn vốn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Viện cho phát triển các dịch vụ công, dịch vụ khoa học công nghệ nhằm tạo ra các dịch vụ thường xuyên và công nghệ mũi nhọn.

10. Kinh phí thực hiện chiến lược

Kinh phí thực hiện các nội dung Chiến lược được bố trí từ các nguồn vốn: Ngân sách nhà nước; Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Viện; Huy động,

hợp tác liên danh liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; Các nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Viện Quy hoạch Thủy lợi có trách nhiệm:

- a) Xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện Chiến lược.
- b) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng và trình Viện trưởng phê duyệt Chiến lược phát triển của đơn vị đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045.
- c) Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ về kết quả thực hiện Chiến lược của Viện và của các đơn vị trực thuộc.
- d) Rà soát, trình Bộ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Viện Quy hoạch Thủy lợi thực hiện tốt Chiến lược.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Viện trưởng Viện Quy hoạch Thủy lợi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (đề b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Các Cục: TL, PCTT, QLXDCT;
- Các Vụ: KHCN&MT, TCCB, KH, HTQT, TC, PC;
- Lưu: VT, KHCN (KTD.20b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến

Phụ lục:

DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

BAN HÀNH KÈM THEO CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI GIAI ĐOẠN ĐẾN 2030 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-KHCN ngày tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan phê duyệt	Thời gian hoàn thành
I Hoàn thiện tổ chức				
1	Điều chỉnh, bổ sung chức năng nhiệm vụ của Viện và chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong Viện	Viện QHTL	Bộ NN&PTNT	2023-2024
2	Triển khai Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của Viện Quy hoạch Thủy lợi giai đoạn đến năm 2025 và giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”	Viện QHTL và các đơn vị thuộc Viện	Bộ NN&PTNT	2023-2024
3	Chiến lược phát triển của các đơn vị trực thuộc Viện Quy hoạch Thủy lợi giai đoạn đến 2030 và định hướng đến năm 2045	Viện QHTL và các đơn vị thuộc Viện	Viện QHTL	2023-2024
II Cơ chế quản lý, phát triển nguồn nhân lực				
1	Tiếp tục thực hiện “Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, viên chức Viện Quy hoạch Thủy lợi giai đoạn 2020 – 2025 và định hướng đến 2030”	Viện QHTL và các đơn vị thuộc Viện	Viện QHTL và các đơn vị thuộc Viện	2023-2025 và đến 2030
2	Xây dựng đề án phát triển nguồn nhân lực của Viện Quy hoạch Thủy lợi	Viện QHTL và các đơn vị thuộc Viện	Viện QHTL và các đơn vị thuộc Viện	2025
3	Đề xuất cơ chế chính sách đặc thù về việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học công nghệ	Viện QHTL	Bộ NN&PTNT, các Bộ, ngành liên quan	2025
III Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị				
1	Triển khai thực hiện đề án “Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS	Viện QHTL và	Bộ NN&PTNT	2023-2025 và đến 2030

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan phê duyệt	Thời gian hoàn thành
	phục vụ quản lý ngành giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030”	các đơn vị thuộc Viện		
2	Xây dựng và phát triển Trung tâm viễn thám trong Viện Quy hoạch Thủy lợi	Viện QHTL	Bộ NN&PTNT	Sau 2030
3	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của một số đơn vị trong Viện Quy hoạch Thủy lợi	Viện QHTL và các đơn vị trực thuộc	Viện QHTL	2025-2030
4	Triển khai dự án Tăng cường năng lực Viện Quy hoạch Thủy lợi giai đoạn 2022-2025 tại Thành phố Hà Nội.	Viện QHTL	Bộ NN&PTNT	2023-2025
IV	Triển khai các nhiệm vụ chuyên môn			
1	Xây dựng các nhiệm vụ quy hoạch cần thực hiện hàng năm và trong kỳ quy hoạch	Viện QHTL	Bộ NN&PTNT	Hàng năm và 05 năm
2	Xây dựng các nhiệm vụ dịch vụ công hàng năm	Viện QHTL	Bộ NN&PTNT Các địa phương	Hàng năm
3	Xây dựng các nhiệm vụ điều tra cơ bản hàng năm	Viện QHTL	Bộ NN&PTNT	Hàng năm
4	Xây dựng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia, cấp Bộ, cấp địa phương, doanh nghiệp	Viện QHTL	Bộ KH&CN, Bộ NN&PTNT, các tỉnh, các doanh nghiệp	Hàng năm
5	Xây dựng các nhiệm vụ bảo vệ môi trường và dịch vụ tư vấn	Viện QHTL	Bộ NN&PTNT, Bộ TN&MT; các tỉnh, các doanh nghiệp	Hàng năm
6	Xây dựng đề án phát triển khoa học và công nghệ của Viện Quy hoạch Thủy lợi	Viện QHTL và các đơn vị trực thuộc	Viện QHTL	2024-2025
7	Xây dựng đề án hợp tác quốc tế của Viện Quy hoạch Thủy lợi	Viện QHTL và các đơn vị trực thuộc	Viện QHTL	2024-2025

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan phê duyệt	Thời gian hoàn thành
V	Quản trị Viện			
1	Rà soát điều chỉnh quy chế làm việc của Viện Quy hoạch Thủy lợi	Viện QHTL và các đơn vị trực thuộc	Viện QHTL và các đơn vị trực thuộc	2023 và cập nhật theo từng giai đoạn
2	Nâng cấp văn phòng điện tử Viện Quy hoạch Thủy lợi	Viện QHTL và các đơn vị trực thuộc	Viện QHTL và các đơn vị trực thuộc	2025
3	Xây dựng kế hoạch truyền thông quảng bá thương hiệu của Viện Quy hoạch Thủy lợi	Viện QHTL và các đơn vị trực thuộc	Viện QHTL và các đơn vị trực thuộc	2023-2024 Cập nhật hàng năm
VI	Cơ chế tài chính			
1	Rà soát, điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ cho các hoạt động chung của Viện Quy hoạch Thủy lợi	Viện QHTL và các đơn vị trực thuộc	Viện QHTL và các đơn vị trực thuộc	2023, cập nhật theo từng giai đoạn
2	Xây dựng cơ chế tạo sự chủ động về tài chính cho các đơn vị trong Viện Quy hoạch Thủy lợi	Viện QHTL và các đơn vị trực thuộc	Viện QHTL và các đơn vị trực thuộc	2024-2025